

Bản án số: **14/2022/DS - ST**

Ngày: 09/5/2022

V/v “*Xác định quyền sở hữu,
quyền sử dụng tài sản để thi hành án
theo quy định của Luật thi hành án dân sự*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, TP ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Minh Cúc**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trịnh Hồng Hải**

Bà **Lê Thị Nhớ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thị Quỳnh Như** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Tiến Bách** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 09/5/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 135/2021/TLST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2021 về việc “*Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 135/2022/QĐXXST - DS ngày 05/4/2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 135/2022/QĐST- DS ngày 21/4/2022 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà **Lê Thị L**, sinh năm 1966; Địa chỉ: K65/9 Đ, phường T, quận T, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH một thành viên KPK; Địa chỉ: 300 L, phường H quận T, thành phố Đ. Bà **Trần Thị Hà T1** tham gia theo Quyết định v/v cử người theo ủy quyền số 2806/2021/QĐ – UQ ngày 28/6/2021 của Công ty Luật TNHH một thành viên KPK. Bà T1 có mặt.

+ *Bị đơn:* Bà **Phan Thanh A**, sinh năm 1971; Địa chỉ: K231/4 T, tổ 60 phường C, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông **Hà Lý T**, sinh năm 1969; ông **Hà Lý Phan A1**, sinh năm 1983 và ông **Hà Lý Anh K**, sinh năm 1999; Cùng trú tại: K231/4 T, tổ 60 phường C, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Địa chỉ: Số 50 Tr, quận T, thành phố Đ. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Bá N; Chức vụ: Chấp hành viên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và đơn sửa đổi, bổ sung khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, các biên bản trình bày và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn: Công ty Luật TNHH một thành viên KPK trình bày:

Sau khi Bản án số 08/2020/DS-ST ngày 28/05/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê có hiệu lực pháp luật, bà Lê Thị L đã làm đơn yêu cầu thi hành án và được Chi cục Thi hành án dân sự quận T ban hành Quyết định thi hành án theo yêu cầu số 67/QĐ-CCTHADS ngày 14/07/2020. Trong đó, bà Lê Thị L là người được thi hành án và bà Phan Thanh A (địa chỉ: K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ) là người phải thi hành án.

Tài sản thi hành án là quyền sở hữu, sử dụng của bà Phan Thanh A trong tài sản chung của bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T là nhà và đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ.

Ngày 07/01/2021, bà Phan Thanh A trả cho bà Lê Thị L số tiền 11.700.000đ (*Mười một triệu bảy trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 008262 ngày 07/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 19/05/2021, Chi cục Thi hành án dân sự quận T ra Thông báo số 294/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tuy nhiên, hết hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo nói trên bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T vẫn không thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hay đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Ngày 09/07/2021, Chi cục Thi hành án dân sự quận T đã tiếp tục ra Thông báo số 373/TB-CCTHADS về việc người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung (trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo).

Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình trong quá trình thi hành án, bà Lê Thị L làm đơn này khởi kiện bà Phan Thanh A ra Tòa án nhân dân quận Thanh Khê yêu cầu:

Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nêu trên của bà Phan Thanh A trong khối tài sản chung của bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

*Bị đơn, bà Phan Thanh A vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Hà Lý T, ông Hà Lý Phan A1, ông Hà Lý Anh K vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải

mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Ông Hà Lý T có đến Tòa án để thực hiện thủ tục tố tụng nhưng không hợp tác, to tiếng và bỏ về (Biên bản ngày 22/12/2021)

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Chi cục Thi hành án dân sự quận T. Địa chỉ: Số 50 T, quận T, thành phố Đ. Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Bá N; Chức vụ: Chấp hành viên. Có văn bản trình bày như sau:

Ngày 26 tháng 10 năm 2021 Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng nhận được Thông báo về việc thụ lý án số: 135/TB-TLVA ngày 18 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, với Chi cục Thi hành án dân sự quận T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, Chi cục thi hành án có ý kiến như sau:

Thực hiện Bản án số: 08/2020/DSST ngày 28/5/2020 của Toà án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, với nội dung thi hành án như sau: “Buộc bà Phan Thanh A phải trả cho bà Lê Thị L số tiền 490.000.000đ (*bốn trăm chín mươi triệu*), lãi chậm thi hành án và 24.500.000 đồng tiền án phí nhà nước. Quá trình tổ chức thi hành án Chấp hành viên đã tiến hành đầy đủ các trình tự theo đúng quy định của pháp luật và qua quá trình giải quyết, xác minh thi hành án Chấp hành viên được biết: Bà Phan Thanh A có một tài sản chung duy nhất với ông Hà Lý T là Thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ.

Ngày 27/7/2020 Chi cục Thi hành án dân sự quận T ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số: 39/QĐ-CCTHA ngày 27/7/2020 đối với thửa đất nêu trên.

Ngày 19/5/2021 Chi cục Thi hành án dân sự quận T ra Thông báo về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án số: 294/TB CCTHADS ngày 19/5/2021 và đã thông báo hợp lệ đến bà Phan Thanh A, bà Lê Thị L, ông Hà Lý T, nhưng bà An và ông Tấn không thực hiện việc thỏa thuận việc phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hoặc không đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Ngày 09/7/2021 Chi cục Thi hành án dân sự quận T ra Thông báo về việc người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung số: 373/TB-CCTHADS, bà Lê Thị L đã khởi kiện và được Tòa dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý.

Vậy để có cơ sở xử lý vụ việc theo quy định pháp luật và đảm bảo quyền lợi ích hợp pháp của người được thi hành án, Chi cục Thi hành án dân sự quận T kính đề nghị Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xử lý theo quy

định của pháp luật trong việc xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Phan Thanh A trong khối tài sản chung của bà An với ông Hà Lý T tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm: Việc Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền; việc tuân theo pháp luật tố tụng đã xác định Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng trong quá trình tham gia giải quyết vụ án tại Tòa án. Nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần hai đã không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70 và Điều 72,73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị HĐXX :

Áp dụng các Điều 33, khoản 2 Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về việc: Xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất nêu trên của bà Phan Thanh A trong khối tài sản chung của bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T để thi hành án là nhà và đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ.

Án phí DS-ST bà Phan Thanh A phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê phát biểu về việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự và quan điểm giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] *Về thẩm quyền giải quyết:* Bị đơn bà Phan Thanh A, có địa chỉ cư trú tại K231/4 T, tổ 60 phường C, quận T, thành phố Đ. Mặt khác, diện tích đất nguyên đơn yêu cầu Tòa án xác định phần quyền là địa chỉ bị đơn cư trú nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] *Về thủ tục tố tụng:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

nhưng bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, không đến Tòa án làm việc hoặc có đến nhưng bỏ về không có lý do không thực hiện các thủ tục tố tụng nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, hòa giải được vì vậy Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

**Về nội dung quan hệ tranh chấp:* Theo Bản án số 08/2020/DS-ST ngày 28/05/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, bị đơn bà Phan Thanh A có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Lê Thị L số tiền 490.000.000đ (*Bốn trăm chín mươi triệu đồng*). Quá trình tổ chức thi hành án, Ngày 19/05/2021, Chi cục Thi hành án quận Thanh Khê ra Thông báo số 294/TB-CCTHADS về việc xác định quyền sở hữu, sử dụng đối với tài sản thi hành án. Tuy nhiên, hết hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo nói trên mà bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T vẫn không thỏa thuận phân chia tài sản, không khởi kiện tại Tòa án hay đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp.

Ngày 09/07/2021, Chi cục Thi hành án dân sự quận T đã tiếp tục ra Thông báo số 373/TB-CCTHADS về việc người được thi hành án có quyền yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, phần quyền sử dụng đất của người phải thi hành án trong khối tài sản chung (trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Thông báo).

Do vậy, nguyên đơn bà Lê Thị L khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Phan Thanh A trong khối tài sản chung với Hà Lý T để thi hành án.

Bị đơn bà Phan Thanh A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hà Lý T, ông Hà Lý Phan A1, ông Hà Lý Anh K trong suốt quá trình giải quyết vụ án vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ, phiên hòa giải, không có bản khai mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ. Như vậy, đây thuộc trường hợp “*có tranh chấp*” nên Hội đồng xét xử xác định là vụ án dân sự, thuộc trường hợp tranh chấp về “*Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự*” quy định tại Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 74 Luật Thi hành án dân sự.

Thực hiện thủ tục tố tụng xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ. Ngày 20/01/2022, Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ đã xác định trên diện tích đất thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX có các tài sản là nhà và đất như GCNQSD đất đã thể hiện, nhưng do bị đơn không hợp tác, không mở cửa nên Hội đồng chỉ xem xét từ bên ngoài (Có ảnh kèm theo)

Theo các biên bản xác minh do Chi cục Thi hành án dân sự quận T cung cấp thì bà Phan Thanh A có một tài sản chung duy nhất với ông Hà Lý T là thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu, sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, bà An cũng thừa nhận đây là tài sản chung duy nhất của bà và ông Hà Lý T.

Mặc dù trước đó, năm 2018, bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 184 ngày 06/7/2018. Theo quyết định này thì về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tuy nhiên, theo biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án ngày 22/11/2021 bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T vẫn đang sinh sống tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ cùng 02 con.

Hiện nay tài sản đã bị Chi cục Thi hành án dân sự quận T ra Quyết định tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản số: 39/QĐ-CCTHA ngày 27/7/2020 đối với tài sản nhà và đất nêu trên.

[4] Xem xét về phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Phan Thanh A trong khối tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T thì thấy: Các tài sản này đều hình thành trong thời kỳ hôn nhân của bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T. Như vậy, có căn cứ để xác định đây là tài sản chung của vợ chồng của bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T.

Khoản 1 Điều 33 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “Tài sản chung của vợ chồng gồm tài sản do vợ, chồng tạo ra, thu nhập do lao động, hoạt động sản xuất, kinh doanh, hoa lợi, lợi tức phát sinh từ tài sản riêng và thu nhập hợp pháp khác trong thời kỳ hôn nhân, trừ trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 40 của Luật này; tài sản mà vợ chồng được thừa kế chung hoặc được tặng cho chung và tài sản khác mà vợ chồng thỏa thuận là tài sản chung.”

Khoản 4 Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định: “Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của Tòa án”.

Do đó, Hội đồng xét xử xác định bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T mỗi người có $\frac{1}{2}$ (một phần hai) quyền sử dụng tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 tại

địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ đứng tên bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân, quận Thanh Khê đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[6] **Về chi phí tố tụng:** Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000đ, nguyên đơn bà Lê Thị L đã tạm nộp. Do yêu cầu khởi kiện được Hội đồng xét xử chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Phan Thanh A phải thanh toán chi phí này cho bà Liễu là phù hợp với quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[7] **Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần buộc bị đơn bà Phan Thanh A phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Nguyên đơn bà Lê Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 157, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 213 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ khoản 1 Điều 33, khoản 2 Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 74 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008, sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L về việc “*Xác định quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản để thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự*” đối với bị đơn bà Phan Thanh A.

Xác định tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 475, tờ bản đồ số 12 theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sử dụng đất số AO 768XXX được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng cấp ngày 19/11/2009 cho bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T, tại địa chỉ K231/4 T, phường C, quận T, thành phố Đ thuộc tài sản chung của bà Phan Thanh A và ông Hà Lý T; trong đó phần sở hữu, sử dụng của bà Phan Thanh A là $\frac{1}{2}$ (*một phần hai*) để thi hành án theo quy định pháp luật về thi hành án dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc bà Phan Thanh A có nghĩa vụ thanh toán cho bà Lê Thị L số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng*) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) bà Phan Thanh A phải chịu.

Hoàn trả cho bà Lê Thị L 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 002267 ngày 13.10.2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

4. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 09/5 /2022). Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Cúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Cúc

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

“ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự”.

[2] Về việc áp dụng pháp luật nội dung và nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:

[2.1] *Về việc áp dụng pháp luật nội dung:* Ngày 23/5/2019, bà V có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án xác định phần quyền sở hữu tài sản, quyền sử dụng đất của bà Lê Thị D trong khối tài sản chung với ông Lê Văn N là diện tích đất 150m² thuộc thửa 951, tờ bản đồ 336b, xã K, theo Giấy chứng nhận QSD đất số BI 673046 do UBND huyện Đ cấp ngày 24/02/2012 mang tên Lê Văn N. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án xác minh tại UBND xã K, huyện Đ thì được biết ông N, bà D sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và tài sản là diện tích đất nguyên đơn đang yêu cầu Tòa án xác định phần quyền được cấp cho ông N vào năm 2012. Vì vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần áp dụng quy định của [Bộ luật Dân sự năm 2005](#); [Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014](#) để giải quyết vụ án.

[2.2] *Về nghĩa vụ giao nộp chứng cứ:* Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì: “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*”. Như vậy, việc cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp thì thuộc trách nhiệm của đương sự.

[3] *Về nội dung tranh chấp:* ***Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn Trung tâm Anh ngữ ISEC, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Ngô Thị Thi đã được Tòa án thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lí do và không thuộc trường hợp bất khả kháng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

***Về nội dung vụ án:** Do có nhu cầu đưa con trai đi tham dự trại hè ở Mỹ, và cũng do có quan hệ quen biết từ trước với bà Thi là kế toán đồng thời là vợ ông Nguyễn Quang Cường là giám đốc Trung tâm Anh ngữ ISEC, bà Ngô Thị Ngọc Diệp đã nộp hai lần tiền với tổng số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu*) thành 02 lần, ngày 02/4/2018 nộp 50.000.000đ, ngày 20/4/2018 nộp số tiền 70.000.000đ cho Trung tâm Anh ngữ ISEC tại số 50 Hàm Nghi do ông Nguyễn Quang Cường là giám đốc - là đơn vị tổ chức cho học sinh đi trại hè ở Mỹ. Khi nộp tiền bà Thi kế toán trung tâm có ghi biên lai của Trung tâm Anh ngữ ISEC giao cho bà Diệp với nội dung thu tiền là : Tiền học phí trại hè Mỹ 2018.

Bà Diệp khẳng định không ký bất kì hợp đồng dịch vụ nào của Trung tâm, mà chỉ tin lời bà Thi nên nộp tiền dịch vụ để con trai bà và bà được đi trại hè ở Mỹ.

Do Trung tâm Anh ngữ ISEC không thực hiện được dịch vụ nên bà Ngô Thị Ngọc Diệp khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Trung tâm Anh ngữ ISEC phải trả cho bà số tiền 135.600.000đ (*Một trăm ba mươi lăm triệu, sáu trăm ngàn đồng*), trong đó tiền gốc là 120.000.000đ, tiền lãi từ 20/4/2018 đến 20/5/2019 là 15.600.000đ theo biên lai thu học phí bà Diệp nộp cho Trung tâm Anh ngữ ISEC vào ngày 02/4/2018 và ngày 20/4/2018.

Tuy nhiên, đến ngày 10/9/2019, bà Diệp rút yêu cầu tính lãi suất đối với số tiền 120.000.000đ là 15.600.000đ (*mười lăm triệu sáu trăm ngàn đồng*). Bà chỉ yêu cầu Trung tâm Anh ngữ ISEC trả lại cho bà số tiền phí đã nộp 02 lần là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu*).

Theo bản khai gửi đến Tòa án, ông Nguyễn Quang Cường là giám đốc Trung tâm Anh ngữ ISEC xác nhận có sự việc như lời trình bày của bà Diệp, thừa nhận Trung tâm Anh ngữ ISEC có thu của bà Diệp tổng số tiền 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu*). Theo ông, 120.000.000đ là phí dịch vụ tư vấn và hỗ trợ thủ tục du học theo hình thức trại hè. Việc bà Diệp và con bà Diệp phỏng vấn không đạt không phải là lỗi của Trung tâm. Trung tâm đã cung cấp và thực hiện dịch vụ của mình theo thỏa thuận. Việc quyết định có cấp Visa cho 2 mẹ con bà Diệp thuộc quyền quyết định của lãnh sự quán của Mỹ đóng ở Hà Nội. Cùng ngày Trung tâm đã cho bà Diệp đã nhận lại 120.000.000đ, đồng thời cho bà mượn thêm của Trung tâm số tiền 30.000.000đ. Tổng cộng bà Diệp viết giấy nhận tiền 150.000.000đ (*Một trăm năm mươi triệu*). Trung tâm không cam kết hay thỏa thuận nếu bà Diệp và con bà Diệp được cấp Visa thì mới thu phí. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà Diệp là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Diệp.

***Xét yêu cầu của bà Ngô Thị Ngọc Diệp thì thấy:**

Trung tâm Anh ngữ ISEC là đơn vị đã được Sở giáo dục và đào tạo Thành phố Đà Nẵng ra quyết định số 2698/QĐ –SGDDT ngày 17/8/2015 về việc cho phép chuyển đổi chủ sở hữu đối với Trung tâm Anh ngữ ISEC.

Việc nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc Diệp thỏa thuận nộp phí tại Trung tâm Anh ngữ ISEC để đưa con đi trại hè ở Mỹ là hoàn toàn chính đáng. Mặc dù, đây là hợp đồng dịch vụ, tuy nhiên giữa các bên không thực hiện việc ký kết hợp đồng dịch vụ nhưng việc bà Diệp nộp phí và được kế toán của trung tâm Anh ngữ ISEC là bà Ngô Thị Thi ghi 02 biên lai với nội dung thu tiền là: Tiền học phí trại hè Mỹ 2018 đã thể hiện hai bên thống nhất các nội dung trong việc thực hiện dịch vụ. Do đó, hợp đồng dịch vụ này giữa bà Ngô Thị Ngọc Diệp và Trung tâm Anh ngữ ISEC là hợp đồng phù hợp với nội dung, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được thừa nhận.

Mặc dù không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn không cung cấp chứng cứ bảo vệ cho ý kiến của mình theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự mà chỉ làm bản khai, giấy tờ kèm theo gồm 2 bản

photo gồm: 01 bản tin nhắn photo và 01 giấy nhận nợ photo giữa bà Diệp với ông Nguyễn Quang Cường.

Trung tâm Anh ngữ ISEC cho rằng việc bà Diệp và con bà Diệp phỏng vấn không đạt không phải là lỗi của Trung tâm nên không đồng ý trả lại tiền phí cho bà Diệp. Ông Cường giám đốc đại diện cho Trung tâm cho rằng 120.000.000đ là phí dịch vụ tư vấn và hỗ trợ thủ tục du học theo hình thức trại hè, tuy nhiên trong 02 biên lai Trung tâm Anh ngữ ISEC ghi cho bà Diệp thì thể hiện nội dung : Tiền học phí trại hè Mỹ 2018. Do đó việc ông Cường cho rằng đây là phí dịch vụ tư vấn và hỗ trợ thủ tục du học theo hình thức trại hè là không có căn cứ.

Cũng trong bản khai gửi đến Tòa án, Trung tâm Anh ngữ ISEC xác nhận việc cùng ngày 02/12/2018 đã cho bà Diệp đã nhận lại 120.000.000đ, đồng thời cho bà Diệp mượn thêm của Trung tâm số tiền 30.000.000đ. Tổng cộng bà Diệp viết giấy nhận tiền của Trung tâm Anh ngữ ISEC 150.000.000đ.

Bà Diệp trình bày xác nhận có nhận của ông Nguyễn Quang Cường số tiền 150.000.000đ từ một quan hệ pháp luật khác giữa cá nhân ông Cường và bà Diệp. Không phải phát sinh từ quan hệ đòi tiền phí dịch vụ này.

Việc Trung tâm Anh ngữ ISEC xác nhận đã cho bà Diệp nhận lại số tiền phí mà bà Diệp đã nộp thể hiện khi không thực hiện được dịch vụ như đã thỏa thuận, Trung tâm Anh ngữ ISEC đồng ý với việc trả lại tiền phí cho người nộp. Giấy nhận tiền photo mà Trung tâm đã nộp kèm theo bản khai chỉ thể hiện có sự việc nhận tiền giữa cá nhân ông Nguyễn Quang Cường với bà Ngô Thị Ngọc Diệp, không thể hiện có sự việc trả lại tiền phí đã nộp giữa Trung tâm Anh ngữ ISEC với bà Ngô Thị Ngọc Diệp. Việc Trung tâm Anh ngữ ISEC cho rằng bà Diệp đã nhận lại 120.000.000đ, đồng thời mượn thêm của Trung tâm 30.000.000đ là hoàn toàn không có căn cứ, HĐXX không chấp nhận. Việc bà Ngô Thị Ngọc Diệp khởi kiện Trung tâm Anh ngữ ISEC yêu cầu trả số tiền phí đã đóng 120.000.000đ, theo biên lai thu học phí bà Diệp nộp cho Trung tâm Anh ngữ ISEC vào các ngày 02/4/2018 và 20/4/2018 khi Trung tâm Anh ngữ ISEC không thực hiện được dịch vụ đưa con bà đi trại hè ở Mỹ là hoàn toàn có căn cứ, HĐXX chấp nhận.

Từ những phân tích ở trên, HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc Diệp, buộc Trung tâm Anh ngữ ISEC phải trả cho bà Ngô Thị Ngọc Diệp số tiền 120.000.000đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 513, 516, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên án phí dân sự sơ thẩm bị đơn Trung tâm Anh ngữ ISEC phải chịu: $120.000.000đ \times 5\% = 6.000.000đ$ (Sáu triệu đồng) theo quy định Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 4 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 513, 516, 519 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Khoản 1 điều 35; Khoản 1 Điều 39, Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, và Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Ngọc Diệp đối với Trung tâm Anh ngữ ISEC .

1. Buộc Trung tâm Anh ngữ ISEC phải trả cho bà Ngô Thị Ngọc Diệp số tiền là 120.000.000đ (*Một trăm hai mươi triệu đồng*).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 6.000.000đ (*Sáu triệu đồng*) Trung tâm Anh ngữ ISEC phải chịu.

Hoàn trả cho bà Ngô Thị Ngọc Diệp số tiền tạm ứng án phí 3.390.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004779 ngày 30/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận T, thành phố Đà Nẵng.

3. Án xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2019). Riêng bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết trích sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Minh Cúc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

